BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: 4009 /TKB -TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy khóa 10

1. Quy định về thời gian giảng dạy

*Sáng:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50
- Tiết 2: 07h55 - 08h45
- Tiết 3: 08h50 - 09h40
- Tiết 4: 09h50 - 10h40
- Tiết 5: 10h45 - 11h35

*Chiều:
- Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 10: 16h15 - 17h05

2. Quy định về chữ viết tắt

- LT: Lý thuyết
- TH: Thực hành
- PH: Phân hiệu
- CS1: Cơ sở 1

3. Thời khóa biểu

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
									Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	ĐH10KE1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	27/11 - 03/122020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
2	ĐH10KE1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên	1,2,3,4,5	A.206													
3	ĐH10KE1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Bùi Thị Thu Hường			4,5	A.303	4,5	A.206									
4	ĐH10KE1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng					1,2,3	A.206									
5	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương			6,7,8,9	A.206											
6	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương			6,7,8,9,10	A.206											
7	ĐH10KE1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Dung							2,3,4,5	A.206							
8	ĐH10KE1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Dung							1,2,3,4,5	A.206							
9	ĐH10KE1	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206					
10	ĐH10KE1	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
11	ĐH10KE1	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
12	ĐH10KE1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
13	ĐH10KE2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	1	27/11 - 03/122020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
14	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					7,8,9,10	A.206									
15	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2020	Vũ Thị Thanh Thủy					6,7,8,9,10	A.206									
16	ĐH10KE2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung	6,7,8	A.206													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
17	ĐH10KE2	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 09/12 - 10/01/2021	Hoàng Thị Mai	9,10	A.206			4,5	A.501									
18	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương			2,3,4,5	A.206											
19	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương			1,2,3,4,5	A.206											
20	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							6,7,8,9	A.206							
21	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							6,7,8,9,10	A.206							
22	ĐH10KE2	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
23	ĐH10KE2	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
24	ĐH10KE2	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
25	ĐH10KE2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
26	ĐH10KE3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	27/11 - 03/122020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
27	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			2,3,4,5	A.208											
28	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			1,2,3,4,5	A.208											
29	ĐH10KE3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							1,2,3	A.208							
30	ĐH10KE3	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 10/12 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	9,10	A.110					4,5	A.208							
31	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Hoa					6,7,8,9	A.208									
32	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Hoa					6,7,8,9,10	A.208									
33	ĐH10KE3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	1,2,3,4,5	A.208													
34	ĐH10KE3	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/11 - 13/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
35	ĐH10KE3	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	16/11 - 18/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
36	ĐH10KE3	Quân sự chung	1	TH	30	1	23/11-26/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
37	ĐH10KE3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	26/11 - 05/12/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
38	ĐH10KE4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	13/11 - 19/11/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
39	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			7,8,9,10	A.208											
40	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			6,7,8,9,10	A.208											
41	ĐH10KE4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							6,7,8	A.208							
42	ĐH10KE4	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Văn Hoàng	4,5	A.505					9,10	A.208							
43	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4	A.208									
44	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4,5	A.208									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
45	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	7,8,9,10	A.208													
46	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	6,7,8,9,10	A.208													
47	ĐH10KE4	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
48	ĐH10KE4	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/11/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
49	ĐH10KE4	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
50	ĐH10KE4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
51	ĐH10KE5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	13/11 - 19/11/2020	Mai Thí Thùy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
52	ĐH10KE5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Mai Thị Thu Hằng							1,2,3,4,5	A.606							
53	ĐH10KE5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					1,2,3	A.210									
54	ĐH10KE5	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					4,5	A.210			9,10	C.202					
55	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh							6,7,8,9	A.210							
56	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đào Thị Thùy Linh							6,7,8,9,10	A.210							
57	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			2,3,4,5	A.210											
58	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			1,2,3,4,5	A.210											
59	ĐH10KE5	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
60	ĐH10KE5	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/11/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
61	ĐH10KE5	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
62	ĐH10KE5	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
63	ĐH10KE6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	13/11 - 19/11/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
64	ĐH10KE6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên									6,7,8,9,10	A.210					
65	ĐH10KE6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					6,7,8	A.210									
66	ĐH10KE6	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					9,10	A.210			4,5	M.303					
67	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà							1,2,3,4	A.210							
68	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Thị Hà							1,2,3,4,5	A.210							
69	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 08/11/2020 07/12 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh			6,7,8,9	A.210											
70	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh			6,7,8,9,10	A.210											
71	ĐH10KE6	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	24/11 - 28/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
72	ĐH10KE6	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	30/11 - 02/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
73	ĐH10KE6	Quân sự chung	1	TH	30	1	09/11 - 12/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
74	ĐH10KE6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	12/11 - 21/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
75	ĐH10KE7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	25/12 - 31/12/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
76	ĐH10KE7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	1,2,3,4,5	A.301													
77	ĐH10KE7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Phạm Quang Phương							1,2,3	A.301							
78	ĐH10KE7	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Hoàng Thị Mai			9,10	A.506			4,5	A.301							
79	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh									6,7,8,9	A.301					
80	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đào Thị Thùy Linh									6,7,8,9,10	A.301					
81	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh					2,3,4,5	A.301									
82	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh					1,2,3,4,5	A.301									
83	ĐH10KE7	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
84	ĐH10KE7	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
85	ĐH10KE7	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
86	ĐH10KE7	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
87	ĐH10KE8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	25/12 - 31/12/2020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
88	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	6,7,8,9,10	A.301													
89	ĐH10KE8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							6,7,8	A.301							
90	ĐH10KE8	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng			6,7,8,9	A.301											
91	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương									2,3,4,5	A.301					
92	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương									1,2,3,4,5	A.301					
93	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9	A.301									
94	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9,10	A.301									
95	ĐH10KE8	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
96	ĐH10KE8	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
97	ĐH10KE8	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
98	ĐH10KE8	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
99	ĐH10KE9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	25/12 - 31/12/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
100	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.302											
101	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			1,2,3,4,5	A.302											
102	ĐH10KE9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Tám									1,2,3	A.302					
103	ĐH10KE9	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 10/01/2021	Lê Hoàng					2,3,4,5	A.302									
104	ĐH10KE9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	1,2,3,4,5	A.302													
105	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh							2,3,4,5	A.302							
106	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Tuấn Anh							1,2,3,4,5	A.302							
107	ĐH10KE9	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	07/12 - 11/12/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302					
108	ĐH10KE9	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	14/12 - 16/12/2020	Bùi Tiến Trịnh	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
109	ĐH10KE9	Quân sự chung	1	TH	30	1	21/12 - 24/12/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
110	ĐH10KE9	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	24/12 - 3/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
111	ĐH10KE10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	11/12 - 17/12/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
112	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			7,8,9,10	A.302											
113	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			6,7,8,9,10	A.302											
114	ĐH10KE10	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Bích									6,7,8	A.302					
115	ĐH10KE10	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng					6,7,8	A.302									
116	ĐH10KE10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Thị Thùy Linh	6,7,8,9	A.302													
117	ĐH10KE10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Thị Thùy Linh	6,7,8,9,10	A.302													
118	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9	A.302							
119	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9,10	A.302							
120	ĐH10KE10	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.206			
121	ĐH10KE10	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
122	ĐH10KE10	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
123	ĐH10KE10	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
124	ĐH10KE11	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	11/12 - 17/12/2020	Mai Thí Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
125	ĐH10KE11	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Mai Ngọc Uyên									2,3,4,5	C.202					
126	ĐH10KE11	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Mai Ngọc Uyên									1,2,3,4,5	C.202					
127	ĐH10KE11	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Phương Hồng							1,2,3	A.506							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
128	ĐH10KE11	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng							4,5	A.506							
129	ĐH10KE11	Quản trị học	2	LT	30	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Hoàng					1,2,3,4,5	A.304	1,2,3,4,5	A.506							
130	ĐH10KE11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 17/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					1,2,3,4,5	A.304									
131	ĐH10KE11	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh	2,3,4,5	A.503													
132	ĐH10KE11	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Tuấn Anh	1,2,3,4,5	A.503													
133	ĐH10KE11	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
134	ĐH10KE11	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
135	ĐH10KE11	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
136	ĐH10KE11	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
137	ĐH10KE12	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	11/12 - 17/12/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
138	ĐH10KE12	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy	7,8,9, 10	A.202													
139	ĐH10KE12	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy	6,7,8,9,10	A.202													
140	ĐH10KE12	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung							6,7,8	A.304							
141	ĐH10KE12	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Lê Hoàng							9,10	A.304							
142	ĐH10KE12	Quản trị học	2	LT	30	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Hoàng					6,7,8,9,10	A.304	6,7,8,9,10	A.304							
143	ĐH10KE12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.304									
144	ĐH10KE12	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 06/12/2020 04/01 - 24/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									6,7,8,9	A.402					
145	ĐH10KE12	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									6,7,8,9,10	A.402					
146	ĐH10KE12	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/12 - 26/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
147	ĐH10KE12	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	28/12 - 30/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
148	ĐH10KE12	Quân sự chung	1	TH	30	1	07/12 - 10/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
149	ĐH10KE12	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	10/12 - 19/12/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
150	ĐH10KE13	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	10	22/01 - 28/01/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
151	ĐH10KE13	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Mai Thị Thu Hằng									1,2,3,4,5	A.501					
152	ĐH10KE13	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích					1,2,3	A.108									
153	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng					4,5	A.108									
154	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	1	21/12 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng									1,2,3,4,5	A.501					
155	ĐH10KE13	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng					1,2,3,4,5	A.108									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
156	ĐH10KE13	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Xuân Hào							2,3,4,5	C.202							
157	ĐH10KE13	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Xuân Hào							1,2,3,4,5	C.202							
158	ĐH10KE13	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải			2,3,4,5	A.204											
159	ĐH10KE13	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Quang Hải			1,2,3,4,5	A.204											
160	ĐH10KE13	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.305					
161	ĐH10KE13	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
162	ĐH10KE13	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
163	ĐH10KE13	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
164	ĐH10KE14	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	10	22/01 - 28/01/2020	Mai Thị Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
165	ĐH10KE14	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Mai Thị Thu Hằng									6,7,8,9,10	A.404					
166	ĐH10KE14	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích					6,7,8	A.501									
167	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng					9,10	A.501									
168	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	1	21/12 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng									6,7,8,9,10	A.404					
169	ĐH10KE14	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng					6,7,8,9,10	A.501									
170	ĐH10KE14	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà							7,8,9,10	A.303							
171	ĐH10KE14	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà							6,7,8,9,10	A.303							
172	ĐH10KE14	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc			7,8,9,10	A.304											
173	ĐH10KE14	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc			6,7,8,9,10	A.304											
174	ĐH10KE14	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
175	ĐH10KE14	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
176	ĐH10KE14	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
177	ĐH10KE14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
178	ĐH10SH+TĐ+K+TNN+KĐ	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn					8,9,10	CS1									
179	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên			2,3,4,5	A.510											
180	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên			1,2,3,4,5	A.510											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
181	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang					1,2,3,4	A.410									
182	ĐH10SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB+T	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang					1,2,3,4,5	A.410									
183	ĐH10KTTN	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm					1,2,3	CS1									
184	ĐH10KTTN	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			7,8,9,10	A.1001											
185	ĐH10KTTN	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			6,7,8,9,10	A.1001											
186	ĐH10KTTN	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh	7,8,9,10	A.1001													
187	ĐH10KTTN	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh	6,7,8,9,10	A.1001													
188	ĐH10KTTN	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích									1,2,3	A.106					
189	ĐH10KTTN	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường	2,3,4,5	A.1001													
190	ĐH10KTTN	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường	1,2,3,4,5	A.1001													
191	ĐH10KTTN	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh							2,3,4,5	A.1001							
192	ĐH10KTTN	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh							1,2,3,4,5	A.1001							
193	ĐH10KTTN	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Hoàng									4,5	A.106					
194	ĐH10KTTN	Quản trị học	2	LT	30	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Hoàng									1,2,3,4,5	A.106					
195	ĐH10KTTN	Quản trị học	2	LT	30	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Hoàng	1,2,3,4,5	A.1001													
196	ĐH10QTKD1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	22/01 - 28/01/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
197	ĐH10QTKD1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng							7,8,9,10	A.305							
198	ĐH10QTKD1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng							6,7,8,9,10	A.305							
199	ĐH10QTKD1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Quốc Việt			6,7,8	A.305											
200	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9	A.305									
201	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9,10	A.305									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
202	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			1,2,3	A.701											
203	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			4,5	A.701											
204	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			2,3,4,5	A.701											
205	ĐH10QTKD1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Lê Thị Bích Lan	6,7,8	A.305							9,10	A.305					
206	ĐH10QTKD1	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hà Quỳnh Mai	9,10	A.305							6,7,8	A.305					
207	ĐH10QTKD1	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	04/01 - 8/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
208	ĐH10QTKD1	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	11/01 - 13/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
209	ĐH10QTKD1	Quân sự chung	1	TH	30	1	18/01 - 21/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
210	ĐH10QTKD1	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	21/01 - 30/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
211	ĐH10QTKD2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	08/01 - 14/01/2021	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
212	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.305									
213	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					1,2,3,4,5	A.305									
214	ĐH10QTKD2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Mến Thương	1,2,3	A.305													
215	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường			2,3,4,5	A.305											
216	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường			1,2,3,4,5	A.305											
217	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8	A.701											
218	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			9,10	A.701											
219	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8,9	A.701											
220	ĐH10QTKD2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Thu Hằng							1,2,3	A.305	4,5	A.305					
221	ĐH10QTKD2	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Phạm Thị Phượng							4,5	A.305	1,2,3	A.305					
222	ĐH10QTKD2	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
223	ĐH10QTKD2	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
224	ĐH10QTKD2	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
225	ĐH10QTKD2	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
226	ĐH10QTKD3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	08/01 - 14/01/2021	Mai Thị Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
227	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy					7,8,9,10	A.306									
228	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy					6,7,8,9,10	A.306									
229	ĐH10QTKD3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
230	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9	A.306							
231	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9,10	A.306							
232	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			1,2,3	A.702											
233	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			4.5	A.702											
234	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà			2,3,4,5	A.702											
235	ĐH10QTKD3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	9,10	A.306							6,7,8	A.306					
236	ĐH10QTKD3	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	6,7,8	A.306							9,10	A.306					
237	ĐH10QTKD3	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
238	ĐH10QTKD3	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
239	ĐH10QTKD3	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
240	ĐH10QTKD3	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
241	ĐH10QTKD4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	08/01 - 14/01/2021	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
242	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga							2,3,4,5	A.306							
243	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga							1,2,3,4,5	A.306							
244	ĐH10QTKD4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Lệ Hằng			1,2,3	A.306											
245	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4	A.306									
246	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4,5	A.306									
247	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan							6,7,8	A.701							
248	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan							9,10	A.701							
249	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Vũ Ngọc Phan							6,7,8,9	A.701							
250	ĐH10QTKD4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	4,5	A.306							1,2,3	A.306					
251	ĐH10QTKD4	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	1,2,3	A.306							4,5	A.306					
252	ĐH10QTKD4	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	19/01 - 24/01/2021	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.206			
253	ĐH10QTKD4	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	25/01 - 27/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
254	ĐH10QTKD4	Quân sự chung	1	TH	30	1	04/01 - 07/01/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
255	ĐH10QTKD4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	07/01 - 16/01/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
256	ĐH10QTKD5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	**Phạm Thị Yến**									1,2,3	CS1					
257	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy							7,8,9,10	A.308							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
258	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							6,7,8,9,10	A.308							
259	ĐH10QTKD5	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết			4.5	A.306					4,5	A.502					
260	ĐH10QTKD5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Đào Thị Thùy Linh	9,10	A.308							6,7,8	A.308					
261	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							1,2,3	A.702							
262	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							4.5	A.702							
263	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							2,3,4,5	A.702							
264	ĐH10QTKD5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Đình Trình	6,7,8	A.308							9,10	A.308					
265	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9	A.308											
266	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9,10	A.308											
267	ĐH10QTKD5	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/02 - 26/02/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
268	ĐH10QTKD5	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	01/02 -03/03/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
269	ĐH10QTKD5	Quân sự chung	1	TH	30	1	08/03 - 11/03/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
270	ĐH10QTKD5	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	11/03 - 20/03/2021	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			
271	ĐH10QTKD6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									8,9,10	CS1					
272	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							2,3,4,5	A.308							
273	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							1,2,3,4,5	A.308							
274	ĐH10QTKD6	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Lan	9,10	A.303	9,10	A.305											
275	ĐH10QTKD6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hoàng Trường Giang	4.5	A.308							1,2,3	A.308					
276	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8	A.702							
277	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							9,10	A.702							
278	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8,9	A.702							
279	ĐH10QTKD6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Tống Thị Thu Hòa	1,2,3	A.308							4.5	A.308					
280	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng			2,3,4,5	A.308											
281	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Văn Hoàng			1,2,3,4,5	A.308											
282	ĐH10QTKD6	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/02 - 26/02/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706					
283	ĐH10QTKD6	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	01/02 -03/03/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
284	ĐH10QTKD6	Quân sự chung	1	TH	30	1	08/03 - 11/03/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
285	ĐH10QTKD6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	11/03 - 20/03/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
286	ĐH10QTKD7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy					8,9,10	CS1									
287	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy			2,3,4,5	A.310											
288	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy			1,2,3,4,5	A.310											
289	ĐH10QTKD7	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Thị Bính	1,2,3	A.310													
290	ĐH10QTKD7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng	4.5	A.310					1,2,3	A.310							
291	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									6,7,8	A.701					
292	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									9,10	A.701					
293	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam									6,7,8,9	A.701					
294	ĐH10QTKD7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Trần Tuấn Anh					1,2,3	A.310			4.5	A.310					
295	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Ánh Tuyết					4.5	A.310	4.5	A.310							
296	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết					1,2,3,4,5	A.310									
297	ĐH10QTKD7	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	22/02 - 26/02/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5	A.404					
298	ĐH10QTKD7	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	01/02 -03/03/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404									
299	ĐH10QTKD7	Quân sự chung	1	TH	30	1	08/03 - 11/03/2021	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
300	ĐH10QTKD7	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	11/03 - 20/03/2021	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			
301	ĐH10QTKD8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy					1,2,3	CS1									
302	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy			7,8,9,10	A.310											
303	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy			6,7,8,9,10	A.310											
304	ĐH10QTKD8	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													
305	ĐH10QTKD8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Hoàng Trường Giang	9,10	A.310					6,7,8	A.310							
306	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708							
307	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708							
308	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708							
309	ĐH10QTKD8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 20/12/2020	Nguyễn Vân Dung					6,7,8	A.310			9,10	A.310					
310	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					9,10	A.310	9,10	A.310							
311	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					6,7,8,9,10	A.310									
312	ĐH10QTKD8	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/3 - 13/03/2021	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
313	ĐH10QTKD8	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	15/03 - 17/03/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
314	ĐH10QTKD8	Quân sự chung	1	TH	30	1	22/02 - 25/02/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
315	ĐH10QTKD8	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	25/02 - 06/03/2021	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			
316	ĐH10QTKD9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							1,2,3	CS1							
317	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	7,8,9,10	A.404													
318	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	6,7,8,9,10	A.404													
319	ĐH10QTKD9	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	4,5	A.110					4,5	A.410							
320	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9	A.404											
321	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9,10	A.404											
322	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					1,2,3	A.701									
323	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					4,5	A.701									
324	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.701									
325	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng					6,7,8,9	A.404									
326	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.404									
327	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9	A.404							
328	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9,10	A.404							
329	ĐH10QTKD9	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/3 - 13/03/2021	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5	A.206			
330	ĐH10QTKD9	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	15/03 - 17/03/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.404									
331	ĐH10QTKD8	Quân sự chung	1	TH	30	1	22/02 - 25/02/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
332	ĐH10QTKD9	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	25/02 - 06/03/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			
333	ĐH10QTKD10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							8,9,10	CS1							
334	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	2,3,4,5	A.404													
335	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	1,2,3,4,5	A.404													
336	ĐH10QTKD10	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	9,10	A.608	9,10	A.402											
337	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng			1,2,3,4	A.404											
338	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng			1,2,3,4,5	A.404											
339	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8	A.701									
340	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					9,10	A.701									
341	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8,9	A.701									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
342	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Vân Dung					2,3,4,5	A.404									
343	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Vân Dung					1,2,3,4,5	A.404									
344	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai							2,3,4,5	A.404							
345	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hà Quỳnh Mai							1,2,3,4,5	A.404							
346	ĐH10QTKD10	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	3	LT	45	1	09/3 - 13/03/2021	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5	B.706			
347	ĐH10QTKD10	Công tác quốc phòng và an ninh	2	LT	30	1	15/03 - 17/03/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	B.706									
348	ĐH10QTKD10	Quân sự chung	1	TH	30	1	22/02 - 25/02/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
349	ĐH10QTKD10	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	TH	60	2	25/02 - 06/03/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH			
350	ĐH10M1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							8,9,10	CS1							
351	ĐH10M1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng	2,3,4,5	A.604													
352	ĐH10M1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng	1,2,3,4,5	A.604													
353	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên					6,7,8,9	A.503									
354	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên					6,7,8,9,10	A.503									
355	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường			4,5	A.1002	4,5	A.308									
356	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường			1,2,3,4,5	A.1002											
357	ĐH10M1	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thu Huyền							1,2,3	A.410							
358	ĐH10M1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường			1,2,3	A.1002											
359	ĐH10M1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nha Trang					1,2,3	A.308									
360	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến									2,3,4,5	A.1001					
361	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Trần Chiến									1,2,3,4,5	A.1001					
362	ĐH10M2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Vũ Thị Nhàn							1,2,3	CS1							
363	ĐH10M2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng	7,8,9,10	A.1002													
364	ĐH10M2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng	6,7,8,9,10	A.1002													
365	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung									2,3,4,5	A.404					
366	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung									1,2,3,4,5	A.404					
367	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan			9,10	A.502	9,10	A.308									
368	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9,10	A.502											
369	ĐH10M2	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thanh Huyền							6,7,8	A.410							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
370	ĐH10M2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám			6,7,8	A.502											
371	ĐH10M2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									
372	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9	A.1001					
373	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9,10	A.1001					
374	ĐH10QM1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					1,2,3	CS1									
375	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung									7,8,9,10	A.106					
376	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									6,7,8,9,10	A.106					
377	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9	A.106									
378	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9,10	A.106									
379	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Minh	9,10	A.210	9,10	A.106											
380	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Văn Minh			6,7,8,9,10	A.106											
381	ĐH10QM1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							
382	ĐH10QM1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thúy Hằng	6,7,8	A.210													
383	ĐH10QM1	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Huê			6,7,8	A.106											
384	ĐH10QM2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			8,9,10	CS1											
385	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.208					
386	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									1,2,3,4,5	A.208					
387	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh					2,3,4,5	A.106									
388	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh					1,2,3,4,5	A.106									
389	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền	4,5	A.210	4,5	A.106											
390	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	1,2,3,4,5	A.210													
391	ĐH10QM2	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							1,2,3	A.106							
392	ĐH10QM2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Ngọc Anh	1,2,3	A.210													
393	ĐH10QM2	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Hồng Tính			1,2,3	A.106											
394	ĐH10QM3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			1,2,3	CS1											
395	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy									7,8,9,10	A.108					
396	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									6,7,8,9,10	A.108					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
397	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà					2,3,4,5	A.105									
398	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà					1,2,3,4,5	A.105									
399	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến	9,10	A.508	9,10	A.510											
400	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8,9,10	A.510											
401	ĐH10QM3	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Bích Ngọc Bùi Thị Nương							6,7,8	A.604							
402	ĐH10QM3	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6,7,8	A.508													
403	ĐH10QM3	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Ngọc Khắc			6,7,8	A.510											
404	ĐH10BĐS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà							8,9,10	CS1							
405	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			2,3,4,5	A.1001											
406	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			1,2,3,4,5	A.1001											
407	ĐH10BĐS1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy	1,2,3	A.303													
408	ĐH10BĐS1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức									1,2,3	A.1002					
409	ĐH10BĐS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Lê Minh Hằng					4,5	A.1001			4,5	A.1002					
410	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh							2,3,4,5	A.604							
411	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/10 - 03/01/2021	Nguyễn Anh							1,2,3,4,5	A.604							
412	ĐH10BĐS1	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa					1,2,3	A.1001									
413	ĐH10BĐS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							1,2,3	CS1							
414	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			7,8,9,10	A.303											
415	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ			6,7,8,9,10	A.303											
416	ĐH10BĐS2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303													
417	ĐH10BĐS2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức									6,7,8	A.303					
418	ĐH10BĐS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào					9,10	A.303			9,10	A.303					
419	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9	A.1001							
420	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9,10	A.1001							
421	ĐH10BĐS2	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc					6,7,8	A.303									
422	ĐH10BĐS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									8,9,10	CS1					
423	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng			2,3,4,5	A.203											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
424	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng			1,2,3,4,5	A.203											
425	ĐH10BĐS3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy							1,2,3	A.304							
426	ĐH10BĐS3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đinh Thị Thanh Huyền							4,5	A.304	4,5	A.210					
427	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2021	Lê Minh Hằng	2,3,4,5	C.202													
428	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng	1,2,3,4,5	C.202													
429	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					2,3,4,5	A.1002									
430	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền					1,2,3,4,5	A.1002									
431	ĐH10BĐS3	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									1,2,3	A.210					
432	ĐH10QTKS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	30/10 - 04/11/2020	Phạm Thế Mạnh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
433	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	1,2,3,4	A.108													
434	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	1,2,3,4,5	A.108													
435	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng			2,3,4,5	A.408											
436	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng			1,2,3,4,5	A.408											
437	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu					7,8,9,10	A.410									
438	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Mai Ngọc Diệu					6,7,8,9,10	A.410									
439	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									1,2,3	A.701					
440	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									4.5	A.701					
441	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.701					
442	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa							2,3,4,5	A.108							
443	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Tống Thị Thu Hòa							1,2,3,4,5	A.108							
444	ĐH10QTKS1	Giáo dục quốc phòng 3	1	LT+TH	30	1	26/10 - 29/10/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
445	ĐH10QTKS1	Giáo dục quốc phòng 4	2	LT+TH	60	2	29/10 -7/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
446	ĐH10QTKS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	30/10 - 04/11/2020	Mai Thị Thúy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
447	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	7,8,9,10	A.108													
448	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	6,7,8,9,10	A.108													
449	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9	A.108											
450	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9,10	A.108											
451	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9	A.1002									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
452	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9,10	A.1002									
453	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8	A.702					
454	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									9,10	A.702					
455	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8,9	A.702					
456	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9	A.108							
457	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9,10	A.108							
458	ĐH10QTKS2	Giáo dục quốc phòng 3	1	LT+TH	30	1	26/10 -1/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
459	ĐH10QTKS2	Giáo dục quốc phòng 4	2	LT+TH	60	2	26/10 -1/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
460	ĐH10QTKS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	30/10 - 04/11/2020	Mai Thị Thủy	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH			
461	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 16/11 - 17/01/2021	Đỗ Minh Anh	7,8,9,10	A.406													
462	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Đỗ Minh Anh	6,7,8,9,10	A.406													
463	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9	A.401							
464	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9,10	A.401							
465	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9	A.503											
466	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	11/01 - 17/01/2021	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9,10	A.503											
467	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	09/11 - 27/12/2020	Trần Đức Nam							1,2,3	A.710							
468	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	09/11 - 27/12/2020	Trần Đức Nam							4.5	A.710							
469	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Đức Nam							2,3,4,5	A.710							
470	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 -25/10/2020 09/11 - 17/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9	A.403					
471	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	18/01 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9,10	A.403					
472	ĐH10QTKS3	Giáo dục quốc phòng 3	1	LT+TH	30	1	26/10 -1/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH							
473	ĐH10QTKS3	Giáo dục quốc phòng 4	2	LT+TH	60	2	26/10 -1/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	PH	1,2,3,4,5	PH	
474	ĐH10QTKS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			8,9,10	CS1											
475	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên							1,2,3,4	A.401							
476	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên							1,2,3,4,5	A.401							
477	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh									2,3,4,5	A.108					
478	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh									1,2,3,4,5	A.108					
479	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư	2,3,4,5	A.406													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
480	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	1,2,3,4,5	A.406													
481	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8	A.804					
482	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									9,10	A.804					
483	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8,9	A.804					
484	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan			2,3,4,5	A.504											
485	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Bích Lan			1,2,3,4,5	A.504											
486	ĐH10QTKS5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							1,2,3	CS1							
487	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng			7,8,9, 10	A.1002											
488	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng			6,7,8,9,10	A.1002											
489	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường					6,7,8,9	A.108									
490	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường					6,7,8,9,10	A.108									
491	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8,9	A.408													
492	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8,9,10	A.408													
493	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									1,2,3	A.708					
494	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam									4,5	A.708					
495	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam									2,3,4,5	A.708					
496	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9	A.502					
497	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9,10	A.502					
498	ĐH10SH1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.510							Ghép ĐH10QTDL4
499	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư									6,7,8	A.201					Ghép ĐH10QĐ2
500	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
501	ĐH10SH1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thúy Hằng	6,7,8	A.210													Ghép ĐH10QM1
502	ĐH10SH1	Nhập môn Sinh học ứng dụng	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Ngọc Khắc									1,2,3	C.312					
503	ĐH10SH1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							Ghép ĐH10QM1
504	ĐH10ĐA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							8,9,10	CS1							
505	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy					2,3,4,5	A.203									
506	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy					1,2,3,4,5	A.203									
507	ĐH10ĐA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa	7,8,9,10	C.202													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
508	ĐH10ĐA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa	6,7,8,9,10	C.202													
509	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.1002													
510	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.1002													
511	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân									2,3,4,5	A.203					
512	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân									1,2,3,4,5	A.203					
513	ĐH10ĐA1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà			6,7,8	A.402											
514	ĐH10LA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà									8,9,10	CS1					
515	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			1, 2,3,4	C.202											
516	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			1,2,3,4,5	C.202											
517	ĐH10LA1	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	4,5	A.204			9,10	A.508									
518	ĐH10LA1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					1,2,3	A.204									
519	ĐH10LA1	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									1,2,3	A.204					
520	ĐH10LA1	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	1,2,3	A.204													
521	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Triệu Thùy Hương							2,3,4,5	A.204							
522	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Triệu Thùy Hương							1,2,3,4,5	A.204							
523	ĐH10LA1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (TĐ)					4,5	A.204			4,5	A.204					
524	ĐH10LA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà									1,2,3	CS1					
525	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			7,8,9,10	A.204											
526	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			6,7,8,9,10	A.204											
527	ĐH10LA2	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	9,10	A.204			4,5	A.405									
528	ĐH10LA2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					6,7,8	A.204									
529	ĐH10LA2	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									6,7,8	A.204					
530	ĐH10LA2	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	6,7,8	A.204													
531	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9	A.204							
532	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9,10	A.204							
533	ĐH10LA2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hồng Minh					9,10	A.204			9,10	A.204					
534	ĐH10LA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	1,2,3	CS1													
535	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga							7,8,9,10	A.205							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
536	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga							6,7,8,9,10	A.205							
537	ĐH10LA3	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					6,7,8	A.205									
538	ĐH10LA3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn	6,7,8	A.205													
539	ĐH10LA3	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê	9,10	A.205							4,5	A.105					
540	ĐH10LA3	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			6,7,8	A.205											
541	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng									6,7,8,9	A.205					
542	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng									6,7,8,9,10	A.205					
543	ĐH10LA3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thanh			9,10	A.205	9,10	A.205									
544	ĐH10LA4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	8,9,10	CS1													
545	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy	2,3,4,5	A.205													
546	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy	1,2,3,4,5	A.205													
547	ĐH10LA4	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Nguyệt					1,2,3	A.205									
548	ĐH10LA4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Lệ Hà							1,2,3	A.205							
549	ĐH10LA4	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Thị Mạc Dung	6,7	A.401					4,5	A.205							
550	ĐH10LA4	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			1,2,3	A.205											
551	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên									2,3,4,5	A.205					
552	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Mai Quyên									1,2,3,4,5	A.205					
553	ĐH10LA4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (KT)			4.5	A.205	4.5	A.205									
554	ĐH10MK1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn	8,9,10	CS1													
555	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					2,3,4,5	A.408									
556	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					1,2,3,4,5	A.408									
557	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung							2,3,4,5	A.408							
558	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung							1,2,3,4,5	A.408							
559	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc									2,3,4,5	A.408					
560	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									1,2,3,4,5	A.408					
561	ĐH10MK2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			8,9,10	CS1											
562	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					7,8,9,10	A.408									
563	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					6,7,8,9,10	A.408									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
564	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9	A.408							
565	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9,10	A.408							
566	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9	A.408					
567	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9,10	A.408					
568	ĐH10MK3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến							8,9,10	CS1							
569	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên					6,7,8,9	A,1001									
570	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên					6,7,8,9,10	A,1001									
571	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9	A.410													
572	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9,10	A.410													
573	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9	A.410					
574	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9,10	A.410					
575	ĐH10MK4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà							1,2,3	CS1							
576	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			1, 2,3,4,	A.410											
577	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			1,2,3,4,5	A.410											
578	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lưu Thị Bích Phượng	2,3,4,5	A.410													
579	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	1,2,3,4,5	A.410													
580	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan									2,3,4,5	A.410					
581	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan									1,2,3,4,5	A.410					
582	ĐH10MK5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									1,2,3	CS1					
583	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thiị Thanh Thủy							1,2,3,4	A.501							
584	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thiị Thanh Thủy							1,2,3,4,5	A.501							
585	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			2,3,4,5	A.501											
586	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			1,2,3,4,5	A.501											
587	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan	2,3,4,5	A.501													
588	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan	1,2,3,4,5	A.501													
589	ĐH10MK6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3	CS1													
590	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							7,8,9,10	A.501							
591	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							6,7,8,9,10	A.501							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
592	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà									6,7,8,9	A.501					
593	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà									6,7,8,9,10	A.501					
594	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình			6,7,8,9	A.501											
595	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Đình Trình			6,7,8,9,10	A.501											
596	ĐH10MK7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị	8,9,10	CS1													
597	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							2,3,4,5	A.502							
598	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga							1,2,3,4,5	A.502							
599	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền					2,3,4,5	A.502									
600	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền					1,2,3,4,5	A.502									
601	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa			2,3,4,5	A.502											
602	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa			1,2,3,4,5	A.502											
603	ĐH10MK8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	1,2,3	CS1													
604	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Thu Hằng					6,7,8,9	A.502									
605	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Thu Hằng					6,7,8,9,10	A.502									
606	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9	A.502							
607	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9,10	A.502							
608	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải	6,7,8,9	A.502													
609	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	6,7,8,9,10	A.502													
610	ĐH10C1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					8,9,10	CS1									
611	ĐH10C1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh					2,3,4,5	A.402									
612	ĐH10C1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Đỗ Minh Anh					1,2,3,4,5	A.402									
613	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thùy Linh							2,3,4,5	A.402							
614	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Nguyễn Thùy Linh							1,2,3,4,5	A.402							
615	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn									2,3,4,5	A.402					
616	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									1,2,3,4,5	A.402					
617	ĐH10C1	Giải tích 1	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Thị Hương			2,3,4,5	C.409											
618	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu	2,3,4,5	A.203													
619	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu	1,2,3,4,5	A.203													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
620	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			6,7,8	A.710											
621	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			9,10	A.903											
622	ĐH10C2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà							1,2,3	CS1							
623	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh					7,8,9,10	A.402									
624	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh					6,7,8,9,10	A.402									
625	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9	A.402							
626	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9,10	A.402							
627	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9	A.304					
628	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9,10	A.304					
629	ĐH10C2	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư			6,7,8	A.604											
630	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân	6,7,8,9	A.402													
631	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân	6,7,8,9,10	A.402													
632	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	LT	22	11	19/10 - 03/01/2021	Lê Lan Anh			2,3	A.710											
633	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			4,5	A.710											
634	ĐH10C3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									1,2,3	CS1					
635	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga									7,8,9,10	A.401					
636	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Khuất Thị Nga									6,7,8,9,10	A.401					
637	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9	A.503													
638	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9,10	A.503													
639	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9	A.401											
640	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9,10	A.401											
641	ĐH10C3	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang							2,3,4,5	A.503							
642	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang					6,7,8,9	A.401									
643	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang					6,7,8,9,10	A.401									
644	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			1,2,3	A.708											
645	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			4,5	A.708											
646	ĐH10C4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Như Trang									8,9,10	CS1					
647	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung									2,3,4,5	A.401					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
648	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									1,2,3,4,5	A.401					
649	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa	2,3,4,5	A.401													
650	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa	1,2,3,4,5	A.401													
651	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa			2,3,4,5	A,604											
652	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa			1,2,3,4,5	A,604											
653	ĐH10C4	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trương Thị Hường	9,10	A.505							6,7	C.202					
654	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải					2,3,4,5	A.401									
655	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải					1,2,3,4,5	A.401									
656	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			6,7,8	A.702											
657	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			9,10	A.702											
658	ĐH10C5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn					8,9,10	CS1									
659	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu	2,3,4,5	A.403													
660	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	1,2,3,4,5	A.403													
661	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Xuân Hào									2,3,4,5	A.604					
662	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Xuân Hào									1,2,3,4,5	A.604					
663	ĐH10C5+LĐH97	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan					2,3,4,5	A.403									
664	ĐH10C5+LĐH97	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan					1,2,3,4,5	A.403									
665	ĐH10C5	Giải tích 1	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Nguyễn Văn Minh	7,8	A.608					9,10	A.510							
666	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến							2,3,4,5	A.403							
667	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Trần Chiến							1,2,3,4,5	A.403							
668	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									6,7,8	A.803					
669	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									9,10	A.803					
670	ĐH10C6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					1,2,3	CS1									
671	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu	7,8,9,10	A.403													
672	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	6,7,8,9,10	A.403													
673	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9	A.403											
674	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9,10	A.403											
675	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9	A.403									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
676	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9,10	A.403									
677	ĐH10C6	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đàm Thanh Tuấn	4,5	A.303			4,5	C.202									
678	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9	A.503							
679	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9,10	A.503							
680	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Thị Khánh Linh									1,2,3	A.710					
681	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Thị Khánh Linh									4,5	A.710					
682	ĐH10C7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	1,2,3	CS1													
683	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									7,8,9,10	A.405					
684	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh									6,7,8,9,10	A.405					
685	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9	A.405													
686	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9,10	A.405													
687	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9	A.405							
688	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9,10	A.405							
689	ĐH10C7	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					6,7,8	A.405									
690	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9	A.410											
691	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9,10	A.410											
692	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							1,2,3	A.801							
693	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							4.5	A.801							
694	ĐH10C8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			8,9,10	CS1											
695	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									2,3,4,5	A.304					
696	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh									1,2,3,4,5	A.304					
697	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4	A.405													
698	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4,5	A.405													
699	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương							2,3,4,5	A.405							
700	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương							1,2,3,4,5	A.405							
701	ĐH10C8	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn					1,2,3	A.405									
702	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			2,3,4,5	A.405											
703	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			1,2,3,4,5	A.405											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
704	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							6,7,8	A.904							
705	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							9,10	A.904							
706	ĐH10C9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	8,9,10	CS1													
707	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					2,3,4,5	A.503									
708	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					1,2,3,4,5	A.503									
709	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4	A.406							
710	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4,5	A.406							
711	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương									2,3,4,5	A.406					
712	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Hương									1,2,3,4,5	A.406					
713	ĐH10C9	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Trang							9,10	A.410	9,10	A.105					
714	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải			2,3,4,5	A.406											
715	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải			1,2,3,4,5	A.406											
716	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			6,7,8	A.910											
717	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			9,10	A.910											
718	ĐH10C10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn					1,2,3	CS1									
719	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					7,8,9,10	A.406									
720	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					6,7,8,9,10	A.406									
721	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm							6,7,8,9	A.406							
722	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm							6,7,8,9,10	A.406							
723	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9	A.406					
724	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9,10	A.406					
725	ĐH10C10	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư					4,5	A.508	4,5	A.510							
726	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			6,7,8,9	A.406											
727	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			6,7,8,9,10	A.406											
728	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân									1,2,3	A.702					
729	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân									4.5	A.702					
730	ĐH10C11	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	8,9,10	CS1													
731	ĐH10C11	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									2,3,4,5	A.503					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
732	ĐH10C11	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									1,2,3,4,5	A.503					
733	ĐH10C11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang							2,3,4,5	A.1002							
734	ĐH10C11	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang							1,2,3,4,5	A.1002							
735	ĐH10C11	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương	2,3,4,5	A.502													
736	ĐH10C11	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Hương	1,2,3,4,5	A.502													
737	ĐH10C11	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường					1,2,3	A.501									
738	ĐH10C11	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến			2,3,4,5	A.304											
739	ĐH10C11	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Trần Chiến			1,2,3,4,5	A.304											
740	ĐH10C11	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến					6,7,8	A.710									
741	ĐH10C11	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến					9,10	A.710									
742	ĐH10C12	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	nguyễn Văn Tiến	1,2,3	CS1													
743	ĐH10C12	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									6,7,8,9	A.503					
744	ĐH10C12	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									6,7,8,9,10	A.503					
745	ĐH10C12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh							6,7,8,9	A.403							
746	ĐH10C12	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh							6,7,8,9,10	A.403							
747	ĐH10C12	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9	A.106													
748	ĐH10C12	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9,10	A.106													
749	ĐH10C12	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang			1,2,3	A.303											
750	ĐH10C12	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân			6,7,8,9	A.405											
751	ĐH10C12	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân			6,7,8,9,10	A.405											
752	ĐH10C12	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến							1,2,3	A.701							
753	ĐH10C12	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Đặng Quang Tuyến							4,5	A.701							
754	ĐH10QTDL1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng									8,9,10	CS1					
755	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							1, 2,3,4,	A.508							
756	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							1,2,3,4,5	A.508							
757	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									2,3,4,5	A.508					
758	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									1,2,3,4,5	A.508					
759	ĐH10QTDL1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy					1,2,3	A.508									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
760	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh			2,3,4,5	A.508											
761	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh			1,2,3,4,5	A.508											
762	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa	2,3,4,5	A.106													
763	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa	1,2,3,4,5	A.106													
764	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8	A.708									
765	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					9,10	A.708									
766	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8,9	A.708									
767	ĐH10QTDL2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Như Trang							1,2,3	CS1							
768	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							7,8,9,10	A.508							
769	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							6,7,8,9,10	A.508							
770	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9	A.508					
771	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9,10	A.508					
772	ĐH10QTDL2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường					6,7,8	A.508									
773	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9	A.508											
774	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9,10	A.508											
775	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc	6,7,8,9	A.105													
776	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	6,7,8,9,10	A.105													
777	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					1,2,3	A.708									
778	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					4,5	A.708									
779	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					2,3,4,5	A.708									
780	ĐH10QTDL3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Trường					1,2,3	CS1									
781	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									7,8,9,10	A.510					
782	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									6,7,8,9,10	A.510					
783	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền	6,7,8,9	A.510													
784	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền	6,7,8,9,10	A.510													
785	ĐH10QTDL3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							
786	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến					6,7,8,9	A.510									
787	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến					6,7,8,9,10	A.510									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
788	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng			6,7,8,9	C.202											
789	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng			6,7,8,9,10	C.202											
790	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.910							
791	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4,5	A.910							
792	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.910							
793	ĐH10QTDL4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									8,9,10	CS1					
794	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									2,3,4,5	A.510					
795	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									1,2,3,4,5	A.510					
796	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung	2,3,4,5	A.510													
797	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung	1,2,3,4,5	A.510													
798	ĐH10QTDL4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thùy Dung							1,2,3	A.510							
799	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh					2,3,4,5	A.510									
800	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh					1,2,3,4,5	A.510									
801	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc			6,7,8,9	A.504											
802	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc			6,7,8,9,10	A.504											
803	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8	A.910							
804	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							9,10	A.910							
805	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8,9	A.910							
806	ĐH10QTDL5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			1,2,3	CS1											
807	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	6,7,8,9	A.203													
808	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	6,7,8,9,10	A.203													
809	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			6,7,8,9	A.105											
810	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			6,7,8,9,10	A.105											
811	ĐH10QTDL5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan									6,7,8	A.105					
812	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9	A.105							
813	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9,10	A.105							
814	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh					6,7,8,9	C.202									
815	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh					6,7,8,9,10	C.202									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
816	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									1,2,3	A.801					
817	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									4,5	A.801					
818	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									2,3,4,5	A.801					
819	ĐH10QTDL6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng	8,9,10	CS1													
820	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	1,2,3,4	A.105													
821	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	1,2,3,4,5	A.105													
822	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			1,2,3,4	A.105											
823	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			1,2,3,4,5	A.105											
824	ĐH10QTDL6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích									1,2,3	A.105					
825	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn							2,3,4,5	A.105							
826	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn							1,2,3,4,5	A.105							
827	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình					2,3,4,5	A.406									
828	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Đình Trình					1,2,3,4,5	A.406									
829	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8	A.802					
830	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									9,10	A.802					
831	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8,9	A.802					
832	ĐH10QTDL7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			1,2,3	CS1											
833	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			7,8,9,10	A.110											
834	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			6,7,8,9,10	A.110											
835	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					6,7,8,9	A.110									
836	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh					6,7,8,9,10	A.110									
837	ĐH10QTDL7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường	6,7,8	A.110													
838	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Diệu									6,7,8,9	A.110					
839	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu									6,7,8,9,10	A.110					
840	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh							6,7,8,9	A.1002							
841	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh							6,7,8,9,10	A.1002							
842	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	1,2,3	A.701													
843	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	4,5	A.701													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
844	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	2,3,4,5	A.701													
845	ĐH10QTDL8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị			8,9,10	CS1											
846	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			2,3,4,5	A.110											
847	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			1,2,3,4,5	A.110											
848	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung					2,3,4,5	A.110									
849	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung					1,2,3,4,5	A.110									
850	ĐH10QTDL8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	1,2,3	A.110													
851	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh									2,3,4,5	A.110					
852	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Anh									1,2,3,4,5	A.110					
853	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							2,3,4,5	A.203							
854	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							1,2,3,4,5	A.203							
855	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8	A.701													
856	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	9,10	A.701													
857	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8,9	A.701													
858	ĐH10QTDL9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			1,2,3	CS1											
859	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					7,8,9,10	A.105									
860	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					6,7,8,9,10	A.105									
861	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9	A.203							
862	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9,10	A.203							
863	ĐH10QTDL9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Bích			6,7,8,9	A.608											
864	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa	2,3,4,5	A.508													
865	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa	1,2,3,4,5	A.508													
866	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thi Hoàng Yến									6,7,8,9	A.1002					
867	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thi Hoàng Yến									6,7,8,9,10	A.1002					
868	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					1,2,3	A.702									
869	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					4,5	A.702									
870	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Vũ Ngọc Phan					2,3,4,5	A.702									
871	ĐH10QTDL10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn									8,9,10	CS1					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
872	ĐH10QTDL10	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					2,3,4,5	N.201									
873	ĐH10QTDL10	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					1,2,3,4,5	N.201									
874	ĐH10QTDL10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh									2,3,4,5	A.303					
875	ĐH10QTDL10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh									1,2,3,4,5	A.303					
876	ĐH10QTDL10	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung			1,2,3	A.503											
877	ĐH10QTDL10	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến							2,3,4,5	A.303							
878	ĐH10QTDL10	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến							1,2,3,4,5	A.303							
879	ĐH10QTDL10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng	2,3,4,5	A.408													
880	ĐH10QTDL10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Thu Hằng	1,2,3,4,5	A.408													
881	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			6,7,8	A.708											
882	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà			9,10	A.708											
883	ĐH10QTDL10	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà			6,7,8,9	A.708											
884	ĐH10QĐ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			8,9,10	CS1											
885	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							2,3,4,5	A.201							
886	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							1,2,3,4,5	A.201							
887	ĐH10QĐ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám			1,2,3	A.201											
888	ĐH10QĐ1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	1,2,3	A.201													
889	ĐH10QĐ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào	4,5	A.201	4,5	A.201											
890	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền									1,2,3	A.201					
891	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	1,2,3	A.201	1,2,3	A.201											
892	ĐH10QĐ1	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang					1,2,3	A.201									
893	ĐH10QĐ1	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Ánh Tuyết					4,5	A.201			4,5	A.201					
894	ĐH10QĐ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			1,2,3	CS1											
895	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							7,8,9,10	A.201							
896	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							6,7,8,9,10	A.201							
897	ĐH10QĐ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu			6,7,8	A.201											
898	ĐH10QĐ2+LĐH	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	6,7,8	A.201													
899	ĐH10QĐ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào	9,10	A.201	9,10	A.201											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
900	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư									6,7,8	A.201					
901	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
902	ĐH10QĐ2	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Bích Ngọc					6,7,8	A.201									
903	ĐH10QĐ2	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hường					9,10	A.201			9,10	A.201					
904	ĐH10QĐ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			1,2,3	CS1											
905	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									7,8,9,10	A.202					
906	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									6,7,8,9,10	A.202					
907	ĐH10QĐ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					6,7,8	A.202									
908	ĐH10QĐ3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Văn Khánh			6,7,8	A.202											
909	ĐH10QĐ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Thị Thùy Linh			9,10	A.202	9,10	A.202									
910	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan	6,7,8	A.604													
911	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8	A.202	6,7,8	A.202									
912	ĐH10QĐ3	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							6,7,8	A.202							
913	ĐH10QĐ3	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Ngọc Anh	9,10	A.604					9,10	A.202							
914	ĐH10QĐ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					8,9,10	CS1									
915	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									2,3,4,5	A.202					
916	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									1,2,3,4,5	A.202					
917	ĐH10QĐ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					1,2,3	A.202									
918	ĐH10QĐ4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn			1,2,3	A.202											
919	ĐH10QĐ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Lưu Thị Bích Phượng			4,5	A.202	4,5	A.202									
920	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền	1,2,3	A.202													
921	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			1,2,3	A.202	1,2,3	A.202									
922	ĐH10QĐ4	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							1,2,3	A.202							
923	ĐH10QĐ4	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Bùi Thị Nha Trang	4,5	A.202					4,5	A.202							
924	ĐH10QĐ5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn					1,2,3	CS1									
925	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên	7,8,9,10	A.304													
926	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên	6,7,8,9,10	A.304													
927	ĐH10QĐ5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.110							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
928	ĐH10QĐ5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Kim Dung			1,2,3	A.402											
929	ĐH10QĐ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh					9,10	A.203	4,5	A.110							
930	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trương Thị Hường			6,7,8,9	A.203											
931	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trương Thị Hường			6,7,8,9,10	A.203											
932	ĐH10QĐ5	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang									6,7,8	A.203					
933	ĐH10QĐ5	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nha Trang					6,7,8	A.203									
934	ĐH10QĐ6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng			8,9,10	CS1											
935	ĐH10QĐ6	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên					2,3,4,5	A.303									
936	ĐH10QĐ6	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên					1,2,3,4,5	A.303									
937	ĐH10QĐ6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy			1,2,3	A.108											
938	ĐH10QĐ6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Văn Khánh									6,7,8	A.208					
939	ĐH10QĐ6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Bùi Thị Oanh	6,7,8,9	A.501													
940	ĐH10QĐ6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh	6,7,8,9,10	A.501													
941	ĐH10QĐ6	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9	A.110							
942	ĐH10QĐ6	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9,10	A.110							
943	ĐH10QĐ6	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Nương									1,2,3	A.403					
944	ĐH10QĐ6	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hường			4,5	A.108					4,5	A.403					
945	ĐH10LQ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	NguyễnVănTrường					8,9,10	CS1									
946	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					2,3,4,5	A.505									
947	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					1,2,3,4,5	A.505									
948	ĐH10LQ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám							1,2,3	A.505							
949	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung			2,3,4,5	A.505											
950	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung			1,2,3,4,5	A.505											
951	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu	1,2,3	A.505													
952	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu							1,2,3	A.505	1,2,3	A.505					
953	ĐH10LQ1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh							4,5	A.505	4,5	A.505					
954	ĐH10LQ1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									1,2,3	A.505					
955	ĐH10LQ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn									1,2,3	CS1					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
956	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					7,8,9,10	A.505									
957	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					6,7,8,9,10	A.505									
958	ĐH10LQ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng							6,7,8	A.505							
959	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			6,7,8,9	A.505											
960	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			6,7,8,9,10	A.505											
961	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	6,7,8	A.505													
962	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền							6,7,8	A.505	6,7,8	A.505					
963	ĐH10LQ2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh							9,10	A.505	9,10	A.505					
964	ĐH10LQ2	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									6,7,8	A.505					
965	ĐH10LQ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Trường									1,2,3	CS1					
966	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							7,8,9,10	A.506							
967	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							6,7,8,9,10	A.506							
968	ĐH10LQ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy									6,7,8	A.506					
969	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9	A.506									
970	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9,10	A.506									
971	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8	A.506											
972	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	6,7,8	A.506							6,7,8	A.506					
973	ĐH10LQ3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	9,10	A.506							9,10	A.506					
974	ĐH10LQ3	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai	6,7,8	A.506													
975	ĐH10LQ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	nguyễn Văn Tiến	8,9,10	CS1													
976	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Uyên							7,8,9,10	C.202							
977	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Uyên							6,7,8,9,10	C.202							
978	ĐH10LQ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Quang Phương									1,2,3	A.506					
979	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế					2,3,4,5	A.506									
980	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					1,2,3,4,5	A.506									
981	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh			2,3,4,5	A.506											
982	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh			1,2,3,4,5	A.506											
983	ĐH10LQ4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	4,5	A.506							4,5	A.506					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
984	ĐH10LQ4	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Phượng	1,2,3	A.506													
985	ĐH10LQ5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			8,9,10	CS1											
986	ĐH10LQ5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh	2,3,4,5	A.304													
987	ĐH10LQ5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh	1,2,3,4,5	A.304													
988	ĐH10LQ5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan			1,2,3	A.401											
989	ĐH10LQ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà									2,3,4,5	N.201					
990	ĐH10LQ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà									1,2,3,4,5	N.201					
991	ĐH10LQ5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương					2,3,4,5	A.604									
992	ĐH10LQ5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương					1,2,3,4,5	A.604									
993	ĐH10LQ5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa			4,5	A.401			9,10	N.201							
994	ĐH10LQ5	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhung							6,7,8	N.201							
995	ĐH10NA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Trường	8,9,10	CS1													
996	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							2,3,4,5	A.504							
997	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							1,2,3,4,5	A.504							
998	ĐH10NA1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2029	Phạm Quang Phương					1,2,3	A.504									
999	ĐH10NA1	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Minh Huyền									2,3,4,5	A.504					
1000	ĐH10NA1	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Minh Huyền									1,2,3,4,5	A.504					
1001	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9	A.408											
1002	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9,10	A.408											
1003	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền	2,3,4,5	A.806													
1004	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền	1,2,3,4,5	A.806													
1005	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh	2,3,4,5	A.504													
1006	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh	1,2,3,4,5	A.504													
1007	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên			1, 2,3,4	A.706											
1008	ĐH10NA1_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên			1,2,3,4,5	A.706											
1009	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh			2,3,4,5	A.705											
1010	ĐH10NA1_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			1,2,3,4,5	A.705											
1011	ĐH10NA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3	CS1													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1012	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							7,8,9,10	A.504							
1013	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							6,7,8,9,10	A.504							
1014	ĐH10NA2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám	6,7,8	A.504													
1015	ĐH10NA2	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Minh Huyền									6,7,8,9	A.504					
1016	ĐH10NA2	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Minh Huyền									6,7,8,9,10	A.504					
1017	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên	9,10	A.504			4,5	A.504									
1018	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên	6,7,8,9,10	A.504													
1019	ĐH10NA2_ Nhóm1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9	A.504									
1020	ĐH10NA2_ Nhóm1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9,10	A.504									
1021	ĐH10NA2_ Nhóm2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh			2,3,4,5	A.806											
1022	ĐH10NA2_ Nhóm2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			1,2,3,4,5	A.806											
1023	ĐH10NA2_ Nhóm1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9	A.705											
1024	ĐH10NA2_ Nhóm1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9,10	A.705											
1025	ĐH10NA2_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9	A.706											
1026	ĐH10NA2_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9,10	A.706											
1027	ĐH10NA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Trường									8,9,10	CS1					
1028	ĐH10NA3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga									2,3,4,5	A.405					
1029	ĐH10NA3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga									1,2,3,4,5	A.405					
1030	ĐH10NA3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy	8,9,10	A.401													
1031	ĐH10NA3	Tiếng Trung 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Tính			2,3,4,5	A.403											
1032	ĐH10NA3	Tiếng Trung 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Trọng Tính			1,2,3,4,5	A.403											
1033	ĐH10NA3	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên							2,3,4,5	N.201							
1034	ĐH10NA3	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên							1,2,3,4,5	N.201							
1035	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền					6,7,8,9	A.604									
1036	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền					6,7,8,9,10	A.604									
1037	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh									6,7,8,9	A.705					
1038	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh									6,7,8,9,10	A.705					
1039	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên	2,3,4,5	A.705													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1040	ĐH10NA3_ Nhóm 1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4,5	A.705													
1041	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly	2,3,4,5	A.706													
1042	ĐH10NA3_ Nhóm 2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly	1,2,3,4,5	A.706													
1043	ĐH10BK	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									8,9,10	CS1					Ghép ĐH10BĐS3
1044	ĐH10BK	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303													Ghép ĐH10BĐS2
1045	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền			9,10	A.502	9,10	A.308									Ghép ĐH10M2
1046	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền			6,7,8,9,10	A.502											
1047	ĐH10BK	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Ngọc Anh			6,7,8	A.402											Ghép ĐH10ĐA1
1048	ĐH10BK	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					6,7,8	A.205									Ghép ĐH10LA3
1049	ĐH10BK+T+K+ TNN+TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang	2,3,4,5	A.402													
1050	ĐH10BK+T+K+ TNN+TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang	2,3,4,5	A.402													
1051	ĐH10T	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									8,9,10	CS1					Ghép ĐH10QTKD6
1052	ĐH10T	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													Ghép ĐH10QTKD8
1053	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9	A.403									Ghép ĐH10C6
1054	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9,10	A.403									
1055	ĐH10T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1056	ĐH10T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4,5	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1057	ĐH10T	Tin học đại cương		TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.910							Ghép ĐH10QTDL3
1058	ĐH10T	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trương Thị Hường	9,10	A.505							6,7	C.202					Ghép ĐH10C4
1059	ĐH10K	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							Ghép ĐH10QTDL3
1060	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương									2,3,4,5	A.406					Ghép ĐH10C9
1061	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Hương									1,2,3,4,5	A.406					
1062	ĐH10K	Thiên văn	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Việt Hùng	6,7,8,9	C.312													
1063	ĐH10K	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Trang							9,10	A.410	9,10	A.105					Ghép ĐH10C9
1064	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9	A.110							Ghép ĐH10QĐ6
1065	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền							6,7,8,9,10	A.110							
1066	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708							Ghép ĐH10QTKD8
1067	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1068	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708							
1069	ĐH10TNN	Trắc địa đại cương	2	LT	30	10	02/11 - 10/01/2021	Nguyễn Xuân Thuỷ			6,7,8	C.306											
1070	ĐH10QB	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Quốc Việt			6,7,8	A.305											Ghép ĐH10QTKD1
1071	ĐH10QB	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							8,9,10	CS1							Ghép ĐH10M1
1072	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.1002													Ghép ĐH10ĐA1
1073	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.1002													
1074	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							1,2,3	A.710							Ghép ĐH10QTKS3
1075	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							4.5	A.710							
1076	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							2,3,4,5	A.710							
1077	ĐH10QB	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									Ghép ĐH10M2
1078	ĐH10QB	Cơ sở địa lý biển và đại dương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Văn Lân									6,7,8,9	C.306					
1079	ĐH10KĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Mến Thương	1,2,3	A.305													Ghép ĐH10QTKD2
1080	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9	A.106													Ghép ĐH10C12
1081	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng	6,7,8,9,10	A.106													
1082	ĐH10KĐ	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư			6,7,8	A,604											Ghép ĐH10C2
1083	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8	A.702							Ghép ĐH10QTKD6
1084	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							9,10	A.702							
1085	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8,9	A.702							
1086	ĐH10TĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	9,10	A.608	9,10	A.402											Ghép ĐH10QTKD10
1087	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9	A.406					Ghép ĐH10C10
1088	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9,10	A.406					
1089	ĐH10TĐ	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang							2,3,4,5	A.503							Ghép ĐH10C3
1090	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8	A.910							Ghép ĐH10QTDL4

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Thứ Hai		Thứ Ba		Thứ Tư		Thứ Năm		Thứ Sáu		Thứ Bẩy		Chủ Nhật		
1091	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Trần Đức Nam							9,10	A.910							
1092	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Trần Đức Nam							6,7,8,9	A.910							

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐ Trường (để b/c);
- Ban Giám Hiệu;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Phân hiệu Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.VH (2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Vũ Danh Tuyên